

Bản tin Phân tích kỹ thuật

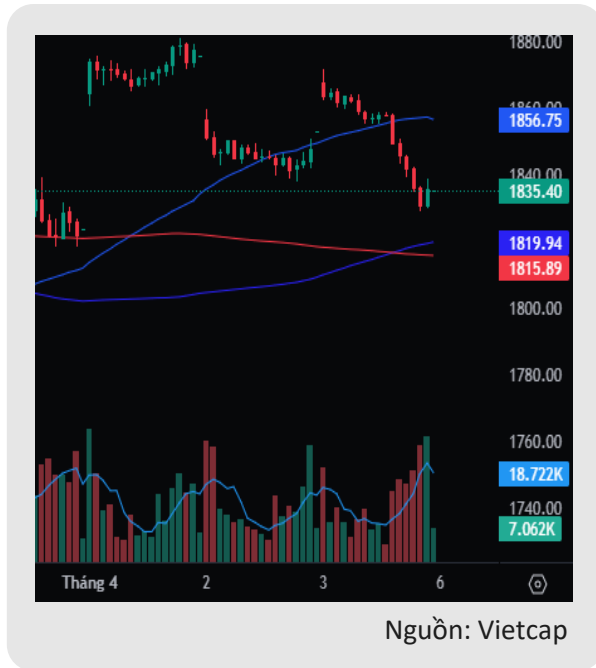
03/04/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G4000 đóng cửa dưới đường MA20 và MA50, chịu tác động từ áp lực điều chỉnh với khả năng tiếp tục giảm về vùng 1.816 điểm. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế bán với mục tiêu là vùng 1.816 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.840 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.836 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.816 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.840 điểm

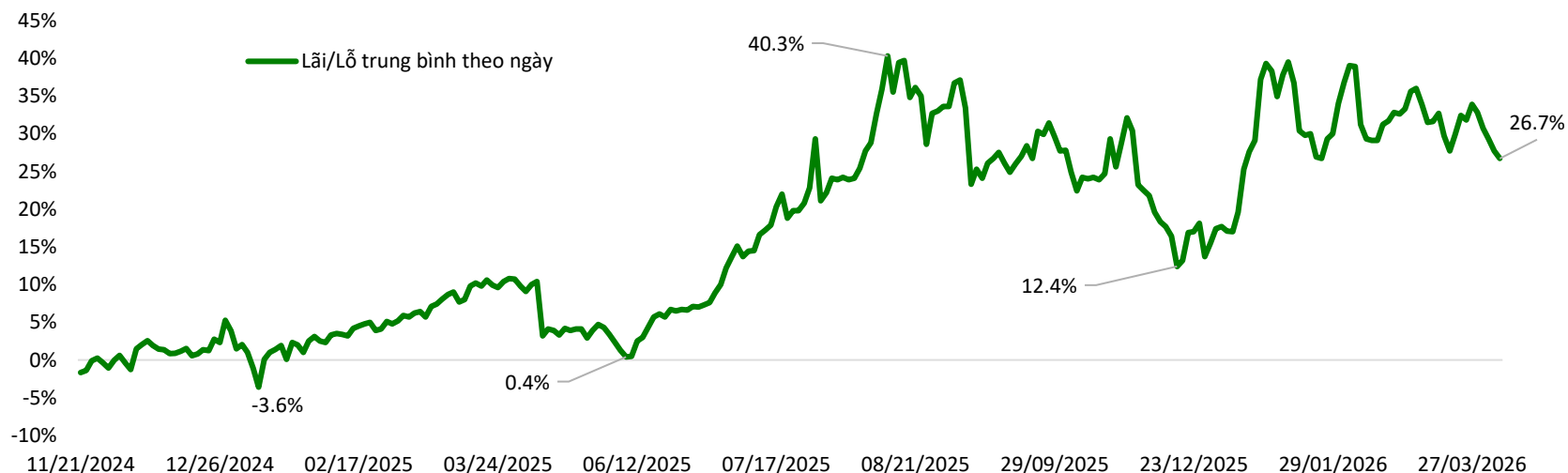
Quan điểm kỹ thuật



- Về hoạt động giao dịch, so với phiên 02/04, áp lực bán gia tăng nhẹ tại nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản, Bán lẻ và Tiêu dùng với mức độ bao phủ rộng hơn. Ngược lại, lực cầu chỉ xuất hiện rõ hơn tại nhóm Bảo hiểm nhưng chưa đủ mạnh, trong khi hoạt động mua vùng thấp vẫn khá mờ nhạt ở phần lớn các nhóm ngành còn lại.
- Diễn biến cung cầu cho thấy trạng thái bán ngắn hạn đang lan rộng hơn, trong khi lực mua thu hẹp dù VN-Index dần tiếp cận vùng hỗ trợ 1.665–1.675 điểm. Theo đó, chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục dao động trong biên độ với kháng cự gần tại 1.715–1.725 điểm và hỗ trợ gần tại 1.665–1.675 điểm.
- Ở các nhóm mang tính dẫn dắt như Ngân hàng, Bán lẻ và Tiêu dùng, lực bán vẫn chiếm ưu thế trong khi lực mua còn mờ nhạt, chưa tạo được tín hiệu bật từ hỗ trợ.
- Do đó, khuyến nghị chưa mở mới các vị thế ngắn hạn dù VN-Index tiếp cận hỗ trợ. Đồng thời, có thể cân nhắc chốt lãi hoặc giảm tỷ trọng tại nhóm Bảo hiểm, Xây dựng và DV Tiện ích khi áp lực cung bắt đầu gia tăng.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
BVH	24/03/2026		Đang mở	85,000	75,400	12.7%	71,000	82,500	80,000	92,000
REE	26/03/2026	03/04/2026	Dừng lỗ	65,800	70,900	-7.2%	65,800	79,000		
PC1	26/03/2026		Đang mở	26,700	28,100	-5.0%	26,000	31,500		
CTD	26/03/2026	03/04/2026	Dừng lỗ	80,400	83,600	-3.8%	80,400	92,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	141,000	0.79%	6.33%	1,086,550	2.017	1,468	7.4	96.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	119,200	1.10%	15.73%	489,604	1.274	10,200	2.1	11.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HPG	26,650	-2.56%	0.57%	204,551	-1.236	2,013	1.6	13.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	194,300	-6.72%	12.57%	71,114	-1.128	8,918	8.9	21.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	39,050	-1.64%	-2.01%	284,287	-1.099	4,266	1.7	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
TCB	29,750	-1.98%	-2.94%	210,816	-0.984	3,577	1.2	8.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	57,700	-0.86%	-1.87%	482,122	-0.978	4,210	2.2	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
LPB	43,100	3.11%	3.11%	128,752	0.945	3,824	2.7	11.3	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
CTG	33,800	-1.46%	-2.87%	262,523	-0.903	4,455	1.5	7.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	79,300	-3.06%	-2.10%	116,446	-0.840	4,775	3.6	16.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	25,800	-1.71%	-2.46%	204,695	-0.828	3,024	1.2	8.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	25,950	-1.33%	-0.76%	209,027	-0.657	3,325	1.5	7.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	161,100	-2.66%	2.61%	95,309	-0.598	3,728	3.9	43.2	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
GAS	79,700	1.27%	-2.92%	192,312	0.577	4,730	2.9	16.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	26,350	1.74%	-4.53%	131,942	0.541	1,041	2.2	25.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	82,900	0.73%	-0.96%	74,592	0.501	17,930	4.4	4.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	46,800	-2.50%	-3.51%	17,761	-0.409	5,090	2.8	9.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAB	11,000	-1.79%	0.00%	11,794	-0.194	1,141	0.9	9.6	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
MBS	20,000	-0.99%	4.25%	20,019	-0.183	1,876	2.5	10.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVB	10,700	-0.93%	-1.83%	20,594	-0.176	0	1.5	181,712.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
SHS	16,900	-1.17%	-1.17%	15,201	-0.164	1,500	1.2	11.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TNG	22,600	-5.83%	-12.06%	2,909	-0.156	3,172	1.5	7.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VIF	15,100	-3.21%	-5.63%	5,285	-0.156	933	1.1	16.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	16,500	-1.79%	-2.37%	9,362	-0.154	312	1.5	52.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIT	26,400	9.09%	1.93%	1,816	0.152	1,445	2.8	18.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	90,600	-2.89%	-3.62%	278,627	-0.433	3,056	6.8	30.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
FOX	81,500	-3.66%	-2.28%	60,342	-0.119	4,627	5.5	17.7	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	45,800	-1.29%	0.88%	163,927	-0.114	3,019	2.4	15.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MVN	50,000	-2.72%	-1.96%	59,840	-0.087	1,622	4.3	30.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDP	250,000	-5.48%	-5.30%	15,451	-0.045	2,836	4.7	88.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	48,300	1.05%	-4.36%	53,001	0.030	10	4.4	4,691.2	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VEF	103,900	-2.81%	9.14%	17,522	-0.026	92,449	2.6	1.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VBB	11,200	-3.45%	7.69%	12,224	-0.023	1,457	1.0	7.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	32,900	-0.90%	-1.50%	43,969	-0.021	5,380	1.6	6.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
RGG	38,000	-5.00%	-4.52%	7,643	-0.021	378	3.1	101.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN

Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCK	37,000	0.5%	272.9	245.1	26,688	36,800	3.1	22.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

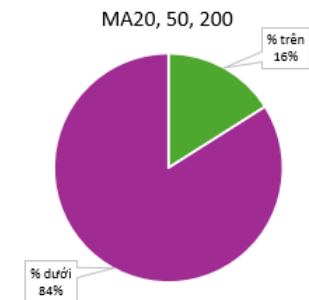
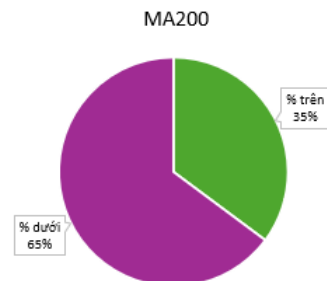
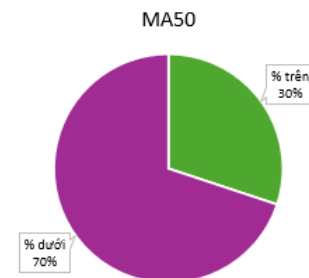
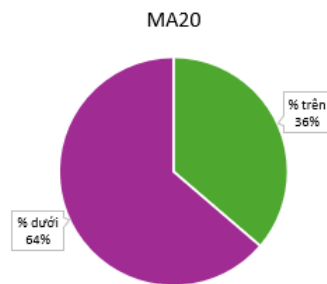
PHÁ ĐÁY 52 TUẦN

Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VFS	13,200	-4.3%	34.4	35.9	13,600	27,314	1.1	12.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

KLGD ĐỘT BIẾN

Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KLB	14,500	3.6%	12.2	4.5	6,125	18,150	1.0	4.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			03/04/2026	02/04/2026	01/04/2026	31/03/2026	30/03/2026	27/03/2026	26/03/2026	25/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	29%	31%	31%	30%	31%	31%	28%	29%
		Dưới	71%	69%	69%	70%	69%	69%	72%	71%
	MA50	Trên	23%	26%	28%	27%	26%	25%	23%	24%
		Dưới	77%	74%	72%	73%	74%	75%	77%	76%
	MA20	Trên	40%	47%	53%	44%	39%	39%	29%	28%
		Dưới	60%	53%	47%	56%	61%	61%	71%	72%
VN30	MA200	Trên	33%	33%	43%	37%	37%	40%	27%	30%
		Dưới	67%	67%	57%	63%	63%	60%	73%	70%
	MA50	Trên	7%	10%	23%	0%	0%	0%	0%	3%
		Dưới	93%	90%	77%	100%	100%	100%	100%	97%
	MA20	Trên	47%	57%	67%	50%	33%	27%	23%	20%
		Dưới	53%	43%	33%	50%	67%	73%	77%	80%
HNX	MA200	Trên	38%	39%	40%	42%	40%	38%	38%	38%
		Dưới	62%	61%	60%	58%	60%	62%	62%	62%
	MA50	Trên	34%	35%	36%	36%	35%	33%	31%	32%
		Dưới	66%	65%	64%	64%	65%	67%	69%	68%
	MA20	Trên	38%	39%	40%	42%	40%	38%	38%	38%
		Dưới	62%	61%	60%	58%	60%	62%	62%	62%
UPCOM	MA200	Trên	34%	34%	36%	34%	35%	33%	31%	31%
		Dưới	66%	66%	64%	66%	65%	67%	69%	69%
	MA50	Trên	33%	34%	33%	33%	33%	32%	31%	32%
		Dưới	67%	66%	67%	67%	67%	68%	69%	68%
	MA20	Trên	37%	38%	39%	39%	38%	37%	37%	38%
		Dưới	63%	62%	61%	61%	62%	63%	63%	62%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành		Tháng 4										Tháng 3									
		03	02	01	31	30	27	26	25	24	23	20	19	18	17	16	13	12	11	10	09
1	Y tế	67	70	69	67	69	66	65	66	65	64	65	66	62	63	60	60	73	74	-	-
2	Bảo hiểm	63	61	59	57	57	51	52	48	41	35	34	31	32	31	30	31	31	31	28	33
3	Điện, nước & xăng d...	52	55	58	59	61	66	67	65	61	62	64	63	62	62	63	64	62	58	54	62
4	Bất động sản	51	53	50	47	48	39	37	34	28	27	31	31	32	32	30	28	22	20	19	20
5	Ô tô và phụ tùng	51	50	49	50	50	46	44	39	34	33	33	37	40	43	43	42	40	39	36	37
6	Bán lẻ	50	53	57	54	53	53	50	45	40	39	43	44	44	44	48	50	51	43	39	43
7	Xây dựng và Vật liệu	48	52	54	52	50	49	47	42	37	38	42	39	40	42	45	41	37	36	34	38
8	Tài nguyên Cơ bản	46	48	48	50	50	46	46	45	45	48	50	51	49	50	51	55	54	54	48	46
9	Dầu khí	43	44	46	48	49	53	53	52	50	54	60	66	61	63	67	75	80	78	77	83
10	Hàng & Dịch vụ Côn...	42	44	45	43	41	44	43	39	36	39	44	47	46	45	47	52	53	50	50	56
11	Dịch vụ tài chính	41	44	39	34	34	34	32	28	27	29	30	33	36	36	36	39	42	43	42	51
12	Hóa chất	40	39	38	38	40	43	39	37	37	42	48	54	52	55	60	67	66	63	60	64
13	Du lịch và Giải trí	40	41	38	34	33	31	25	20	18	19	21	21	20	21	25	25	25	23	22	24
14	Hàng cá nhân & Gia ...	37	39	41	43	44	45	43	41	39	43	48	51	53	52	52	58	59	58	49	56
15	Thực phẩm và đồ uống...	36	39	38	38	37	34	33	31	30	30	34	36	38	38	38	38	37	35	31	33
16	Ngân hàng	35	39	41	37	35	32	32	31	26	28	33	36	37	35	34	35	35	36	31	35
17	Công nghệ Thông tin	17	18	15	14	16	13	13	12	10	10	11	11	12	12	10	10	11	11	10	10

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	119,200	1.1%	15.7%	489,604	2.1	11.7	10,200	727.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCK	37,000	0.5%	6.2%	90,092	3.1	22.9	1,613	272.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BVH	85,000	3.0%	1.2%	63,097	2.6	22.2	3,821	70.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HCM	24,150	2.3%	8.5%	26,081	1.8	16.6	1,454	651.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPI	58,000	-0.3%	0.9%	18,563	3.5	47.5	1,221	63.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TIN	166,000	-2.1%	28.7%	15,136	7.6	14.1	11,764	7.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHR	62,800	-0.3%	1.6%	8,509	2.1	17.8	3,529	11.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SEA	47,200	-0.2%	4.9%	5,894	2.4	28.6	1,646	5.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	49,600	2.3%	6.7%	5,293	2.2	20.5	2,419	30.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	9,000	1.1%	8.4%	1,022	0.9	34.3	263	39.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAV	9,000	2.3%	28.6%	621	0.9	-26.9	-335	6.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNM	8,300	-1.2%	3.8%	368	0.8	21.1	393	6.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	194,300	-6.7%	12.6%	71,114	8.9	21.8	8,918	164.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	14,500	0.0%	0.7%	20,355	1.2	5.5	2,633	9.7	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SIP	59,400	-2.5%	2.4%	14,382	2.8	10.9	5,464	14.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAN	31,450	-0.6%	4.3%	6,570	1.2	9.8	3,220	21.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MIG	19,650	1.0%	1.3%	4,156	1.6	12.8	1,542	5.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CRC	10,100	-0.5%	-2.9%	1,078	1.3	13.3	761	65.2	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCO	13,450	-3.6%	-0.4%	421	1.1	11.2	1,198	6.8	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	43,100	3.1%	3.1%	128,752	2.7	11.3	3,824	86.9	Tích cực	6.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCX	50,200	-1.6%	-4.6%	116,041	2.6	18.5	2,713	68.6	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPX	28,100	-2.1%	-4.7%	52,688	1.6	12.2	2,298	66.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	40,200	-0.5%	-4.9%	51,078	2.0	19.1	2,106	119.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DSE	23,000	-1.7%	-4.4%	9,850	2.3	29.8	772	6.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực
VGT	11,900	-0.8%	-4.0%	5,972	0.8	7.0	1,703	11.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	27,400	0.0%	-2.8%	4,022	1.8	6.4	4,318	34.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LAS	16,800	-1.2%	-4.0%	1,896	1.3	11.5	1,455	6.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	13,200	-4.3%	-10.8%	1,848	1.1	12.4	1,064	34.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
IDI	6,610	-1.3%	-4.2%	1,806	0.5	14.1	469	6.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VOS	12,500	-1.2%	-3.5%	1,750	0.8	5.7	2,177	10.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTI	22,550	-0.4%	-2.2%	1,421	0.9	9.7	2,337	5.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
APG	5,640	-1.7%	-1.9%	1,261	0.5	230.9	24	7.9	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
KDC	48,950	0.3%	-0.8%	14,186	2.0	27.2	1,803	7.1	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	57,700	-0.9%	-1.9%	482,122	2.2	13.7	4,210	343.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
BID	39,050	-1.6%	-2.0%	284,287	1.7	9.2	4,266	285.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
CTG	33,800	-1.5%	-2.9%	262,523	1.5	7.6	4,455	293.3	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	29,750	-2.0%	-2.9%	210,816	1.2	8.3	3,577	266.6	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	74,000	-0.9%	-2.8%	126,060	3.5	13.4	5,515	471.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VNM	60,000	-1.3%	-2.4%	125,397	4.1	13.3	4,503	229.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VIB	16,650	-1.5%	-2.1%	56,677	1.2	7.8	2,143	73.5	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,800	-1.08%	-4.83%	25,500	84.8%	357	1.1	38.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	7,470	-1.06%	10.50%	13,600	82.1%	581	0.7	12.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	25,300	-3.25%	-4.17%	43,700	72.7%	936	1.5	27.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	14,400	-0.35%	-1.37%	24,000	66.7%	231	1.1	62.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NLG	28,100	-4.75%	-4.26%	45,800	63.0%	1,805	1.1	15.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DGC	56,500	4.63%	9.07%	91,200	61.4%	7,965	1.4	7.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	74,000	-0.94%	-2.76%	116,600	57.6%	5,515	3.5	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
GEX	35,300	-2.35%	-1.81%	54,000	53.0%	1,638	1.8	21.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	27,000	-2.00%	-0.18%	40,800	51.1%	1,970	2.1	13.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SZC	28,150	-1.75%	-4.58%	42,400	50.6%	1,916	1.6	14.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VPB	25,800	-1.71%	-2.46%	38,000	47.3%	3,024	1.2	8.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVT	21,150	-1.86%	-5.16%	30,800	45.6%	2,208	1.2	9.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	40,400	0.50%	-5.61%	58,100	43.8%	3,616	1.4	11.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGC	44,850	-1.32%	-1.64%	64,100	42.9%	3,130	2.3	14.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACV	45,800	-1.29%	0.88%	64,600	41.0%	3,019	2.4	15.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVL	14,300	2.88%	0.00%	20,000	39.9%	884	0.7	16.2	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
TCB	29,750	-1.98%	-2.94%	41,500	39.5%	3,577	1.2	8.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	22,900	-0.43%	-1.72%	31,900	39.3%	168	1.5	136.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	33,500	-3.74%	-2.90%	45,800	36.7%	3,342	1.2	10.0	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	43,000	0.00%	-0.35%	58,700	36.5%	4,506	1.6	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn